Tập 5 — Ai Mua Mỹ Nhân

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Cô kỹ nữ Surimā sau khi đắc quả Nhập Lưu, không những cô đã hoàn lương mà còn thu xếp đời mình để sống theo giáo pháp một cách rất thuần thục nữa. Mùa an cư mãn hạ đã lâu, sợ đức Phật và chư tăng không biết sẽ tản mác ra đi du hóa lúc nào, nên nàng đến Trúc Lâm thưa bạch với đại đức Mahāpaṅthaka xin mỗi ngày được đặt bát cúng dường tám vị tỳ-khưu tại tư gia. Thế là, nàng trích mười sáu đồng tiền vàng mỗi ngày, sắm sanh vật thực với những món cứng mềm thượng vị rất chu đáo. Sau khi chư tỳ-khưu thọ thực tại chỗ xong, nàng còn tận tay, khi thì sữa chua, khi thì sữa tươi sớt đầy bát cho các vị nữa, nhiều đến nổi ba bốn người dùng phi thời có lẽ cũng không hết. Hôm nọ, có một vị đại đức, sau khi độ thực xong ở nhà nàng, ông du hành đi đến một nơi xa, cách thành phố chừng ba bốn do-tuần rồi ngụ tại một tịnh xá trong làng. Trong lúc rảnh rỗi, chư tỳ-khưu tại trú xứ thăm hỏi sức khỏe của đức Thế Tôn, sau đó hỏi han đời sống tứ sự ở Trúc Lâm giờ ra sao; và riêng đại đức thì đi trì bình ở đâu, có đủ cứng mềm, ngon bổ không. Vị đại đức thành thật đáp:

180 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Khỏi nói! Tại Trúc Lâm, khi nào có đức Đạo Sư thì tứ sự sung mãn, không hề thiếu thốn thứ gì. - Đúng là vậy rồi! Còn nếu đi trì bình trong kinh thành thì sao? - Nơi nào cũng tạm đủ. Ngày nào cũng đủ no lòng. Tuy nhiên, có những lúc gặp những thí chủ đặc biệt. - Đặc biệt ra làm sao? - Ví như lúc nào họ cũng cúng dường thượng vị. Ví như lúc nào, họ cũng cúng dường thêm thức ăn phi thời như mật, đường, sữa tươi, sữa chua cả một bát đầy! - Lúc nào cũng thế sao? - Ừ, Có một nữ thí chủ đặc biệt hình như lúc nào cũng thế! Tròn vành vạnh. Lại còn biết cách cúng dường như lễ độ, khéo léo. Lại còn ngôn ngữ dịu dàng, khả ái. Lại còn nụ cười duyên dáng làm cho ai cũng thấy mê, thấy mệt! Có một vị tỳ-khưu trẻ nghe kể vậy, lần tới một bên, xen lời: - Vì thấy mê, thấy mệt nên đại đức bỏ trốn từ đó về đây chăng? - Không dám thế đâu! Nhưng quả thật là tôi đã thấy nguy hiểm thật đấy! Một vị hỏi: - Nữ gia chủ ấy đẹp lắm sao? - Dĩ nhiên rồi! Đệ nhất kinh thành đấy! Thêm sau câu chuyện kể, vị đại đức vô tâm còn cho biết là không phải ai cũng tùy tiện đến tư gia cô ấy để khất thực được đâu. Tịnh xá Trúc Lâm được điều hành quy củ đâu ra đó. Tư gia cô gái kia mỗi ngày chỉ thỉnh tám vị, không dễ gì đến phiên mình đâu. Nhưng nếu ai biết cách, đi thật sớm, khi mặt trời vừa lên là có mặt ở phòng phát thẻ rồi. Tám vị tỳ-khưu đầu tiên sẽ được vị đại đức tri sự trao cho tám thẻ tre ưu tiên đến nhà cô ấy. Họ thắc mắc: Minh Đức Triều Tâm Ảnh 181

- Thế chư vị trưởng lão, họ đến sau, không có thẻ ưu tiên sao? Và nếu nhiều vị muốn đi, không phát sanh việc mất trật tự sao? Vị đại đức cười: - Chúng ta là phàm tăng nên mới đưa ra những câu hỏi như vậy. Từ khi mấy ông sư cứng đầu, lộn xộn bị chư trưởng lão tẩn xuất đi rồi thì Trúc Lâm rất bình yên, không có chuyện tranh trước, tranh sau đâu. Còn chư vị trưởng lão thì không bao giờ đến phòng phát thẻ, ngoại trừ có yêu cầu; và quý ngài cũng không cần bất cứ một ưu tiên nào cả. Quý ngài thọ dụng đâu cũng được, ngon dở, bổ béo gì, các ngài có để tâm đâu! Chư tỳ-khưu nghe xong, một vị nói: - Đúng

vậy! Chư trưởng lão là tấm gương cho chúng ta. Trường hợp là tôi, nếu cô ta dịu dàng, khả ái như thế, tôi cũng sẽ trốn chạy như đại đức vậy. Riêng vị tỳ-khưu trẻ mới nghe qua chuyện cô nữ chủ, tuy chưa biết mặt mũi ra sao, trong tâm mình đã cảm nghe xao xuyến, trái tim mình đã đập rộn trong lồng ngực. Không nói với ai, ông lặng lẽ thu dọn chỗ ở, ôm y bát bộ hành ngay về Trúc Lâm tịnh xá trong đêm ấy. Sớm hôm sau, trời vừa rựng sáng thì vị tỳ-khưu kia đã có mặt trong phòng phát thẻ. Thế là ông được đi bát tại tư gia kỹ nữ Surimā. Rủi ro cho vị tỳ-khưu trẻ muốn diện kiến dung nhan của cô Surimā, vì nữ chủ đã bị bệnh từ chiều hôm trước. Tuy nhiên, cô cũng dặn bảo gia nhân chăm lo chu đáo vật thực y như mọi ngày. Khi được báo chư tăng tám vị đã đến, nằm tại giường trong, nàng bảo: - Này các em! Hãy thỉnh các ngài vào nhà an tọa, dâng nước uống, khăn thơm lau mặt. Sau đó, kiểm soát lần cuối cùng vật thực chuẩn bị sẵn, thỉnh bát, sớt đầy bát rồi dâng cúng đến quý ngài. Nhớ nói rằng, chủ của con, đệ tử Surimā,

hôm nay bị bệnh, không tận tay sớt bát cúng dường được, xin quý ngài cho nữ chủ con được sám hối! - Thưa chủ, vâng! Lát sau, gia nhân vào thưa: - Công việc đã xong, thưa chủ! - Tốt lắm! Giỏi lắm! Nàng thều thào, trông có vẻ đã quá mệt - Hãy dìu ta ra bên ngoài để đảnh lễ quý ngài, nằm như thế này là không được, là thất lễ! Cô Surimā gắng gượng đi từng bước, đến phòng khách, nàng lảo đảo quỳ xuống đảnh lễ chư tăng. Vị tỳ-khưu cao hạ nhất, ái ngại nói với cô: - Được rồi! Chúng tôi ghi nhận tấm lòng rồi! Cô hãy vào nghỉ ngơi đi. Vị tỳ-khưu trẻ “phải lòng” cô, âm thầm quan sát mỹ nữ một hồi rồi nhủ thầm trong tâm rằng: “Trời đất ơi! Cô ta bị bệnh mà còn đẹp như thế kia, huống hồ khi vô bệnh? Huống hồ có thêm xiêm áo, son phấn, điểm trang? Chắc chắn cô ta đã cắt đứt hằng trăm, hằng ngàn trái tim của vương tôn, công tử kinh thành Rājagaha này rồi!” Vị tỳ-khưu càng nhìn thì lòng ông như càng bị lửa nóng nung đốt. Trong khi các vị kia ngồi độ thực tại chỗ, còn ông thì lật đật ôm bát đứng dậy, rồi như người vô hồn, đi thẳng về Trúc Lâm. Vội vàng kiếm một phòng của khách tăng, vị tỳ-khưu đặt nguyên bát vật thực còn nguyên trên kệ; rồi đến giường nằm vùi, cứ tơ, cứ tưởng hình bóng của nàng Surimā trong tâm tưởng. Vậy là vị tỳ-khưu trẻ ôm cả mối tình si khó phân, khó giải suốt mấy hôm như thế, không ăn, không uống... Hôm kia, cả Trúc Lâm tịnh xá đều hay tin, cô Surimā, cận sự thánh đệ tử đã đột ngột qua đời do bệnh tim. Thần y Jīvaka đến ngay tức khắc nhưng không còn cứu kịp, tưởng là chỉ cảm sốt thông thường thôi. Ai ngờ! Ngay chính đức vua Bimbisāra cũng bàng hoàng, vì Surimā là em gái của thần y Jīvaka, là kỹ nữ nổi tiếng của kinh thành, lại là mang Minh Đức Triều Tâm Ảnh

huyết thống hoàng gia. Lễ hỏa táng của cô, nhà vua cũng muốn tham dự. Một số đông chư tăng đã từng biết cô kỹ nữ, họ bàn tán xôn xao, cái gọi là “hồng nhan bạc mệnh”. Có một số vị cảm thương cô vừa trở về đời sống của một cận sự nữ thuần thành đã vội lìa đời quá sớm. Đa phần họ thương tiếc. Có vị chứng kiến sự si tình của tỳ-khưu trẻ, ông đẩy cửa phòng đến báo cho bạn hay: - Cô Surimā đã mất rồi! Đang nằm mê man bỏ ăn cả ba ngày, nhưng mới nghe nhắc đến tên Surimā, ông đã vội nhổm dậy. Sau khi nghe bạn kể cô kỹ nữ đã từ trần, vị tỳ-khưu trẻ ngồi thừ rất lâu. Đức Phật biết chuyện

vị tỳ-khưu si tình nên cho tôn giả Moggallāna đến báo cho thần y Jīvaka hay, là đừng vội hỏa táng thi hài Surimā, ngài sẽ đến nghĩa địa cùng với Chư tăng. Khi đức Phật và chư tăng đến nơi thì thần y Jivāka ra đón rồi dẫn ngài đến bên hỏa đài. Lát sau, đức vua Bimbisāra với nghi vệ thiên tử và tùy tùng cũng vừa xuống ngựa. Rồi còn rất nhiều quan khách, đa phần là những vương tôn, công tử có kỷ niệm với cô kỹ nữ nên họ đến đây như thầm lặng từ giã giai nhân mà họ đã từng thầm yêu, trộm nhớ một thời. Cô nằm nhắm mắt an lành trên giàn hỏa phủ đầy hoa, nhưng vẫn toát ra sự gợi cảm nhục dục một cách mãnh liệt, không khác gì lúc còn sống, làm cho không biết bao trái tim xung quanh phải xốn xang. Trong đó có vị tỳ-khưu trẻ, ông đã núp trốn sau lưng vị tỳ-khưu khác, nhưng đôi mắt thì đắm đuối, mê man bị cuốn hút vào thân xác vô tri. Và dường như ai ai cũng đang lặng im chiêm ngưỡng cái đẹp của tạo hóa sắp bị thần lửa mang đi. Chợt đức Phật bước đến sát bên giàn hòa, tụng một bài kệ ngắn rồi nói lớn tiếng rằng: 184 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Như Lai đã tiễn biệt “con gái út” của Như Lai rồi đó! Ngài lại nói với thần y Jīvaka: Ông hãy cho che một mái rạp và hãy cho người giữ gìn để nguyên thi hài cô mỹ nữ như vậy trong vòng bảy ngày. Như Lai sẽ có đề tài giáo hóa chúng sanh. Rồi đức Phật lại quay sang đức vua Bimbisāra; và cuộc đối thoại giữa họ, người thứ ba không nghe được: - Bắt đầu ngày mai, phiền đại vương cho người rao khắp kinh thành: “Ai muốn mua đệ nhất mỹ nhân Surīma, nhà vua sẽ bán với giá một ngàn đồng tiền vàng!” Đức vua chưa hiểu ý, cũng hỏi nhỏ: - Ai họ sẽ mua, bạch đức Đạo Sư? - Nếu ngày thứ nhất không ai mua thì cho rao hạ giá xuống là năm trăm đồng tiền vàng! - Thưa, nếu cũng không ai mua? - Thì hạ giá xuống còn một trăm, hai mươi đồng, một đồng, một cắc, một xu... cuối cùng là biếu tặng không! Đại vương hiểu ý Như Lai chứ? Đức vua mỉm cười, gật đầu: - Đệ tử hiểu tôn ý rồi! Xong, đức Phật và đại chúng tỳ-khưu trở lại Trúc Lâm tịnh xá. Mọi người lần lượt giải tán. Hôm sau, quân lính đi khắp các ngả đường trong kinh thành, rao bán mỹ nữ Surimā với giá một ngàn đồng tiền vàng, vọng từ nơi này sang nơi khác. Và có lẽ không ai mua nên ngày thứ hai, những toán lính rao truyền hạ giá xuống nữa. Và tuần tự hạ giá xuống một đồng, một xu; đến ngày thứ bảy, tặng không, biếu không cô mỹ nữ nhưng chẳng có ai lên tiếng ừ hử! Đến ngày thứ tám, đức Phật và hội chúng tỳ-khưu đến nghĩa địa thì đức vua, tùy tùng, hoàng gia và quan khách rất đông cũng đã có mặt. Và cũng chính ngay lúc ấy, chỉ có đức Phật và chư thánh lậu tận có thắng trí mới thấy rõ cô kỹ nữ Minh Đức Triều Tâm Ảnh 185

Surimā đã hóa sanh làm bà hoàng hậu của vua trời Suyāma ở cõi Yama; và cô đã cùng với năm trăm thiên nữ ngự trên năm trăm cỗ thiên xa đồng ngự xuống đảnh lễ đức Phật và đại chúng tỳ-khưu. Đức Phật chỉ tay vào thi hài, nói rằng: - Quý vị hãy nhìn kìa! Lúc còn sống, kỹ nữ Surimā được xem là đệ nhất mỹ nhân của kinh thành Rājagaha! Biết bao nhiêu thanh niên vương giả, quý tộc, đại phú gia, tiểu phú gia tranh giành nhau được cận kề mỹ nữ một đêm, phải trả đúng một ngàn đồng tiền vàng. Nhiều hơn, cô ta không cần, thiếu chút ít, kẻ tình si sẽ bị gia nhân tống ra khỏi cửa cho dù là một ông vua con! Cô ta làm vậy không phải vì tham vàng, ham bạc mà chỉ để biểu tỏ đẳng cấp và quyền lực của cái đẹp mà thôi! Này chư vị! Thuở sanh tiền, thức ăn vật uống tẩm bổ xác thân của nàng phải nói là ăn tinh, uống tủy. Việc giữ gìn nhan sắc, các vòng

eo, vòng thắt phải nói là đã học hết "bí quyết" chân truyền của cổ xưa! Châu báu, kim ngân trang điểm của nàng có giá trị có thể mua đứt một chức quan tổng trấn! Xiêm áo, lụa là, phấn son... phải nói là có sẵn ở những cửa hiệu trứ danh của kinh đô Bārāṇasī hoa lệ. Như vậy đó! Giá trị thân xác mỹ miều gợi cảm và sắc đẹp "hoa ghen, liễu hờn"(1) của nàng đã được thế gian tôn vinh, quý trọng quả thật là đã hết ngôn ngữ diễn đạt. Nhưng bây giờ thì sao? Trong bảy ngày qua, quân lính của đức vua hiền thiện đã khổ công rao bán nhưng chẳng ai thèm mua! Một xu, một cắc cũng không ai mua. Cho đến đỗi cho không, biếu không, tặng không cũng chẳng ai đoái hoài! Tại sao vậy? Tại vì cái thể xác mê hồn kia, cái sắc đẹp quyến rũ ong bướm kia, bây giờ chỉ còn là một đống thịt thối cho giòi bọ tranh nhau, chỉ còn là một bọc máu mủ tanh tưởi cho ruồi

(1) Mượn thơ Nguyễn Du: " Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh"

lằn họp chợ! Rồi ngày qua tháng lại, nó chỉ còn như một trái bầu khô người ta quăng bỏ bên đường, chỉ còn là một đống xương trắng, chẳng có ai thích thú đứng ngắm nhìn cả: Này chư vị! Hãy thấy rõ sự thật của cái thân là như vậy! Là phải bị suy già, bệnh tật, ốm đau và dơ uế! Nó lại còn mong manh như gốm sứ dễ vỡ. Nó lại còn nguy hiểm như một cục ung bướu không biết hờm sẵn chỗ nào ở lục phủ, ngũ tạng? Nói cách khác là tất cả chúng đều bị thời gian làm cho thay đổi, biến hoại từ trạng thái này sang trạng thái khác. Nói cô đọng hơn thế nữa, tất thảy pháp hữu vi đều bị định luật vô thường và vô ngã chi phối. Nó không chắc thật, không trường cửu, không ổn định, thường phát sanh sầu ưu, khổ não. " Nhìn kia, thể xác mê hồn Đống phân, hầm bệnh lại còn đớn đau Bậm tâm lo trước, tính sau Có chi bền vững mà cầu trường sanh?"(1) Rồi tiếp theo đó, đức Phật thuyết liên tục mười bốn kệ ngôn rồi giảng giải rất chi li, khúc chiết về sự cấu tạo của thân gồm ba trăm khớp xương được ràng buộc bởi chín trăm sợi gân, được nối bởi bảy ngàn sợi dây thần kinh, được tô trét bởi chín trăm thớ thịt, bao bên ngoài bởi một làn da mỏng... Cái bao, cái túi da ấy đựng bên trong nào tim, nào phổi, nào thận, nào lá lách, nào gan, bao tử, ruột non, ruột già... Trong bao tử, ruột non, ruột già thì chứa thức ăn cũ, mới và phân, sán lãi, vi trùng... Trong tim thì có máu đen, máu đỏ; tuy nhiên, màu sắc của nó còn tùy thuộc trạng thái tâm mà biến dạng, đổi màu. Ví dụ người có tâm ái dục mạnh thì máu màu đỏ; tâm sân hận nhiều thì máu có màu đỏ sậm hay đỏ đen; tâm si mê nhiều thì máu có màu đỏ nhợt nhạt;

(1) Pháp cú 147: "Passa cittakalaṃ arukāyaṃ samussitaṃ. Āturaṃ bahusaṅkappaṃ yassa natthi dhuvaṃ ṭhiti".

tâm có đức tin nhiều thì máu đỏ thắm ửng vàng; tâm có trí tuệ thì màu máu đỏ trong... Đức Phật nhấn mạnh sự bất tịnh của thân, nó chứa đầy ô trược và dơ dáy; thường bài tiết, rỉ chảy ra chín cửa như đại tiện, tiểu tiện, ghèn mắt, nước mũi, cứt mũi, đàm, nước bọt, nước miếng, ráy tai... Và ngay cả cái đầu của con người mà ai cũng quý trọng, nó cũng đáng nhờm gớm chẳng khác gì. Kẻ si mê không thấy rõ sự thật như vậy nên bị ngã ái, ngã kiến chi phối, sống bít bùng trong ái dục, ngã mạn và dối lừa. "- Thành trì

dựng cốt, bó xương Đắp thêm máu thịt, tô hường, quét son Mang thêm tật bệnh, tử vong Chứa đầy ngã mạn lại gom dối lừa!”(1) Được biết rằng, sau buổi thuyết pháp ấy, rất đông chư tăng và quan khách uống được hương vị pháp bảo. Hoàng hậu của đức vua Suyāma (cô kỹ nữ) đắc quả Bất Lai. Riêng vị tỳ-khưu si tình thì đã có cuộc chuyển hóa vĩ đại, ông đã đắc pháp nhãn, bước vào dòng giải thoát.

(1) Pháp cú 150: “ Atthīnaṃ nagaraṃ kataṃ, maṅsalohitalepanaṃ; yattha jāra ca maccu ca mano makkho ca ohito”.

188 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Tên Đồ Tể

Trên con đường lớn đi về Trúc Lâm tịnh xá có gia đình ông đồ tể tên là Cunda, chuyên nghề giết heo. Suốt năm mươi năm qua, ông ta đã tàn sát dòng họ nhà heo với số lượng không kể xiết; lớp ăn, lớp bán để nuôi mạng sống cho cả gia đình. Người ta nói rằng, với tâm độc ác và gian tham, những năm ở miền quê mất mùa, đói kém, Cunda cho người đi lùng trong các thôn làng, heo to, heo nhỏ ông mua hết với giá cám bèo rồi chở về nhà. Ông cho rào kín một khoảng vườn rồi thả tất cả heo vào đấy, cho ăn đủ loại cỏ lá thô tạp hái lượm quanh vườn và cả đồ dơ uế để khỏi tốn tiền tốn bạc mua rau, cám, chuối. Muốn làm thịt con heo nào, ông bắt trói nó vào một gốc cột, lấy cây gỗ vuông, dùng cạnh nhọn đánh đập khắp lưng, bụng, bắp chân cho thịt mềm và nở phù ra để được nặng cân, mặc cho heo kêu rống đau đớn thế nào. Chưa thôi, ông còn cạy răng, banh mõm heo, nhét vào đấy một khúc cây cáng căng mõm ra; đoạn, ông lấy ấm nước sôi, chúc vòi đổ vào cổ họng. Nước nóng chảy vào bụng làm cho phân ở ruột hóa lỏng phải trôi tuột ra hậu môn. Tên đồ tể Cunda quan sát, hễ nước chảy ra còn đục, thế là biết ruột chưa sạch, ông tiếp tục

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 189

đổ nước thêm, cho đến bao giờ nước trong vắt hẳn thôi. Công đoạn tiếp theo, ông đổ nước sôi lên lưng, đầu, cạo cho vuột lớp da bên ngoài; lấy đuốc cháy rực đốt tất cả những lông lá còn sót lại ở lưng, ở mõm, ở bụng và ở đầu. Xong, Cunda dùng gươm bén chặt đầu heo, nghiêng xuống cho huyết chảy vào chậu để dành rưới lên thịt khi quay heo để huyết thấm vào bên trong! Kỹ thuật giết heo, quay heo ngon, béo, giòn và vàng hượm của Cunda nổi tiếng một vùng nên ông làm được bao nhiêu bán hết bấy nhiêu, do vậy, đời sống gia đình dư dả, sung túc. Tuy nhiên, bản chất keo kiệt, bủn xỉn, ông chưa cho ai một xu, một cắc nào. Ở trên con đường mà ngày nào cận sự nam nữ hai hàng cũng với vòng hoa, hương liệu, dầu đèn... đến tịnh xá Trúc Lâm cúng dường và nghe pháp nhưng ông chưa bao giờ để mắt ngó qua. Chư tăng hằng ngày đi bát ngang nhà, nhưng chưa có lần nào ông đặt một vá cơm, một cái bánh, một muỗng canh, một thìa cháo nào... Một hôm, Cunda đột ngột lâm bệnh và bắt đầu có những hành động khác thường. Ông quỳ bằng đầu gối rồi bò bằng “bốn chân” khắp trong nhà, ra hàng hiên, ra sau vườn; vừa bò vừa kêu rống như heo bị chọc tiết. Gia nhân, quyến thuộc thấy vậy, kềm giữ ông lại, lấy tay bụm mồm, bịt miệng cũng không ngăn được tiếng la hét thoát ra. Rồi sau đó, suốt ngày, suốt đêm, gia đình chia người canh giữ, ai cũng

thấm mệt nên cuối cùng đành để cho “con heo” kia tự do bò la, bò lê, dính đất, dính cát cùng tiếng kêu rống chấn động cả một khu dân cư. Người ở trong nhà ai cũng phờ phạc, mất ngủ mà những gia đình ở xung quanh chừng vài chục ngôi cũng không được yên giấc. Sự “khủng bố với hình phạt của tử thần” như bao trùm cả một vùng làm cho ai cũng phải kinh sợ, xanh mặt. Không biết sao hơn, gia nhân, quyến thuộc đành bắt ông nhốt lại trong một căn phòng đóng kín cửa, lấy

vải, giẻ bít chặt các lỗ trống để ngăn bớt tiếng kêu rống, càng lúc càng giống tiếng heo bị chọc huyết... Hôm kia, một số đông chư tỳ-khưu ở phương xa về, đi ngang nhà ông, nghe tiếng heo kêu, trong dịp được gặp Phật, họ than thở với ngài rằng: - Bạch đức Thế Tôn! Cái lão đồ tể Cunda kia hôm nay lại giết heo chắc là có cuộc tiệc tùng, tế lễ gì đó nữa! Ôi! Đã suốt mấy chục năm giết vật, chẳng rõ sát hại biết bao sanh mạng rồi mà vẫn chưa chịu nghỉ tay, chưa chịu hồi tâm, chuyển tánh! Trên đời này sao lại có kẻ độc ác, tàn bạo, vô lương tâm đến thế! Đức Phật mỉm cười: - Các ông tưởng Cunda giết heo ư? - Thưa vâng! Chúng đệ tử nghe tiếng heo rống! - Chính tự ông ta rống như heo rống đấy! Nhận thấy đủ nhân, đủ duyên, đức Phật bảo tụ họp chư tăng để ngài thuyết một thời pháp về nghiệp, đầy đủ tên gọi là nhân quả nghiệp báo, như sau: - Này các thầy tỳ-khưu! Chúng sanh sinh ra bởi nghiệp, thừa tự bởi nghiệp, do nghiệp sanh, do nghiệp thành, do nghiệp sai sử, quyết định. Tên đồ tể Cunda suốt năm mươi năm quen nghề giết thịt, đã trở thành thói quen, đã điêu luyện, đã thuần thục; do vậy, năng lực của nghiệp sát ấy chi phối toàn bộ thân tâm của ông ta. Hiện tượng ông ta bò bốn chân, lê la bùn đất, kêu rống như heo, ấy là nghiệp tướng đã hiện ra. Đã bảy ngày bảy đêm ông ta bị khổ hình như thế là do nghiệp quả đã đến lúc chín muồi, “tướng” lửa địa ngục nổi lên thiêu đốt lục phủ ngũ tạng. Ông ta sẽ bị đau đớn, quằn quại cho đến ngày thứ tám, tử thần đoạn lìa mạng sống và sẽ tức khắc đọa sanh vào cảnh giới địa ngục A-tỳ (Avīci) là hiển nhiên vậy. Các vị tỳ-khưu đều kinh hãi. Có vị tỳ-khưu xin thưa: Minh Đức Triều Tâm Ảnh 191

- Bạch đức Thế Tôn! Kẻ làm ác, đại ác như vậy, có trường hợp nào ác báo được giảm bớt, được nhẹ đi hay nghiệp quả ấy được vô hiệu lực! - Có đấy, này chư tỳ-khưu! Thứ nhất là do căn duyên sâu dày, người ấy tu tập đắc định; do năng lực của định mạnh hơn, người ấy hóa sanh lên cõi trời phạm thiên. Trường hợp ấy, nghiệp ác kia không chạy theo kịp, không trổ quả được. Tuy nhiên, nghiệp ác kia vẫn hờm sẵn ở đấy, khi đủ điều kiện trả quả thì nó đến trả quả. Nói cách khác, trong nhiều kiếp về sau, khi nào hết phước báu thiền định, hết phước báu bố thí, trì giới thì nó sẽ xen vào trả quả ngay tức khắc. Thứ hai là đắc quả Nhập Lưu, nghiệp xấu ác kia cũng chưa có khả năng trả quả được, đôi khi bị vô hiệu hóa luôn. Như trường hợp cô kỹ nữ Sirimā, nhờ đắc thánh quả nên nghiệp xấu ác kỹ nữ giang hồ không trổ quả được, lâm chung, cô hóa sanh làm hoàng hậu đức vua Suyāma cõi trời Yama. Hôm tại nghĩa địa vừa rồi, sau thời pháp của Như Lai, cô lại đắc quả Bất Lai, vậy là nghiệp xấu ác kia bị thui chột luôn! Cuối thời pháp, đức Phật cũng nói rõ thêm. Là khi phạm một trong năm nghiệp ác là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm Phật đổ máu và chia rẽ tăng thì người ấy tức khắc đọa địa

ngục A-tỳ. Năm cực trọng ác nghiệp ấy nó thiêu hủy năng lực thiền định, nó ngăn trở luôn thánh đạo quả!

192 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Về Vải Dơ Quăng Bỏ

Thấy ở tại tịnh xá Trúc Lâm vậy là vừa đủ, hôm kia đức Phật tuyên bố: “Nửa tháng nữa, Như Lai lại đi vân du về hướng Bắc, qua sông Gaṇgā; sẽ ghé thăm Vesāli, Videha, Moriya, Malla sau đó lên Koliya...” Tin được truyền đi, đại chúng tỳ-khưu ai cũng chuẩn bị vá y, giặt y, đốt bát, coi lại những vật dụng tùy thân để lên đường cùng đức Phật. Chư vị trưởng lão cũng tự thân lo việc cho riêng mình. Tôn giả Mahā Kassapa từ rừng về, ghé thăm và đảnh lễ đức Phật. Nhìn thấy đôi chân đất lấm bụi đường xa, tấm y đắp đã cũ mòn, tấm y ngoại cũng đã tơi tả của ngài, đức Phật nói: - Trông ông phong trần quá! Hãy tắm giặt, nghỉ ngơi và nên vá víu tấm y ngoại lại kìa! - Thưa vâng, bạch đức Tôn Sư. - Thọ trì những 13 pháp đầu-đà bậc thượng thì khó khăn lắm, trong lúc ông cũng đã lớn tuổi, quá kham khổ, thiếu thốn, thế có tiện không? - Không sao, đệ tử thấy mình còn mạnh khỏe. Lại nữa, làm vậy mới giáo huấn đệ tử tỳ-khưu được. - Ừ, thôi ông cứ tùy nghi.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 193

Thế rồi, từ hương phòng đức Phật đi ra, tôn giả Mahā Kassapa tìm một con suối vắng để tắm giặt, choàng tạm tấm y hai lớp rồi ngồi nghỉ ngơi trên một tảng đá đợi tấm y ngoại và y nội khô. Trong lúc ấy thì một nhóm tỳ-khưu thấp thoáng trong rừng cây đang bàn bạc việc vá y, đốt bát chuẩn bị tháp tùng đức Phật trên chuyến du hành về phương Bắc. Họ bàn chuyện: - Chúng ta tắm giặt thường không có y thay nên lúc nào cũng phải kiếm rừng vắng, thật bất tiện... - Thì hãy vào phòng tắm hơi... - Chỗ ấy thì nên để dành cho chư vị trưởng lão... - Ai mở miệng xin đức Phật hoặc chư vị trưởng lão chế định cho chư tỳ-khưu nên có một tấm y tắm nữa. - Thôi mà! Tôn giả Mahā Kassapa và đệ tử của ngài thọ trì luôn 13 pháp đầu-đà mà có ai than phiền gì đâu! Ai biết đủ thì nó đủ. Ai thấy thiếu thì tự nhiên nó thiếu thôi! Thấy câu chuyện bàn bạc ấy, tôn giả ghi nhận trong lòng. Tự nghĩ: “Khá khen cho mấy ông sư trẻ mà tư duy đã chững chạc. Nhu cầu về chiếc y tắm là đúng, là cần thiết. Lúc nào thuận tiện mình sẽ thưa chuyện với đức Đạo Sư! Chính mình cũng thấy là bất tiện huống hồ gì những ông sư thanh niên!” Mỉm cười về ý nghĩ ấy, xong, ngài lấy bát ra nhen lửa đốt sét hen rỉ bên trong rồi lượm một nắm cỏ khô chùi bát cho thật sạch. Sau đó ngài ngồi cặm cụi vá y. Chiếc y ngoại của tôn giả đã mùn rách, nên ngài trăn qua trở lại mấy tấm vải vụn nhặt được nơi nghĩa địa, tìm cách vá bện lên trên y cũ một lớp nữa. Trong lúc ấy thì tôn giả Anuruddha chống gậy lần dò đường đang bước qua. Sở dĩ tôn giả phải lấy gậy dò đường như vậy là vì ngài bị mù mắt do hành thiền quá độ, sau nhờ đắc thiên nhãn thông nên đi đâu cũng vô ngại; tuy nhiên lúc

194 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

nào về các tịnh xá, ngài lại dùng gậy để đi tới đi lui. Hiện lúc này bệnh mù mắt đã bớt, ngài có thể thấy lờ mờ... Thấy vậy, tôn giả Mahā Kassapa hỏi: - Hiền giả đi đâu đó? Tôi

là Mahā Kassapa đây! - Nghe nói tôn huynh từ rừng mới về nên tôi tìm cách đi viếng thăm đây! - Viếng thăm làm gì mà vất vả vậy! - Không sao! Nghe giọng nói của tôn huynh thì tôi đã mát mẻ rồi. Rồi tôn giả ngồi xuống, lấy tay sờ tấm y, sờ mấy mảnh vải rồi nói tiếp: - Tôn huynh đang vá y à? Thế năm trăm tỳ-khưu đệ tử của tôn huynh đâu cả rồi mà ở đây không có một người đỡ đần tay chân như vậy? Tôn giả Mahā Kassapa nói: - Chuyện của mình, mình làm được mà! Chợt tôn giả Anuruddha nói: - Tấm y này nó hư mục cả rồi! Vá víu làm sao được nữa? - Không sao! Vậy tôi mới vá đùm,vá đụp chồng lên trên đây này! - Cũng được, nhưng nó sẽ dày và nặng quá, đi đường xa, bụi tấp vào, mồ hôi lấm vào thì thành cái "cục nợ" đấy! Tôn giả Mahā Kassapa mỉm cười nói: - Không sao! Tâm mình không "nợ" thì chiếc y làm sao lại "cục nợ" cho mình được? - Đúng vậy! Thật là tuyệt vời! Tôn giả mỉm cười rồi nói tiếp - Còn tôi, thọ trì đầu-đà bậc hạ mà tấm y sang trọng quá như thế này, xem chừng là nợ thật đấy! - Cũng không nợ! - Tại sao? - Vì về các loại vải phấn tảo, đức Phật chỉ mới chế định đó là vải dơ, vải người ta quăng bỏ chứ chưa đi sâu và rộng Minh Đức Triều Tâm Ảnh 195

về các chi tiết; nên tấm y kia dẫu sang trọng nhưng vẫn đúng pháp và luật. - Cảm ơn tôn huynh! Sự thật là vậy. Sự thật là tôi không biết. Sự thật là đức Tôn Sư có đến xâu chỉ giúp nhưng ngài cũng không bảo đấy là có lỗi. Chuyện tôn giả Anuruddha lang thang đi tìm vải dơ, vải người ta quăng bỏ thì có người chỉ cho một khúc vải lấm lem bụi đất nơi đống rác, ngài lượm về giặt sạch thì ai cũng biết. Nhưng khúc vải quý giá như thế nào thì ngài không biết. Các bậc có thắng trí còn biết thêm, tôn giả có một vị thiên nữ tên là Jālinī ở cung trời Đao Lợi, vốn là người vợ cũ từ kiếp trước đã có nhã ý cúng dường khúc vải ấy; sợ dâng tận tay thì tôn giả không nhận nên thiên nữ lại quăng nơi đống rác trên con đường mà ngài sắp đi qua. Lại còn sợ ngài không thấy nên cô phải nhờ người mách bảo giúp nữa. Còn nữa, ai cũng biết tôn giả bị mù không thể may y, nên chư trưởng lão Sāriputta, Moggallāna, Ānanda đều đến giúp một tay. Đặc biệt, đức Phật đi ngang, thấy vậy, ngài cũng bước vào, lấy kim xâu chỉ giúp. Tôn giả Mahā Kassapa ân cần nắm tay người bạn mù: - Đúng vậy! Đức Phật chưa chế định ngăn cấm nhặt khúc vải đẹp tốt, vậy hiền giả không có lỗi. - Cảm ơn tôn huynh! - Cảm ơn làm gì! Sự thật là vậy mà! Chuyện đến tai đức Phật, ngài cho tụ họp đại chúng rồi giảng giải như sau: - Về chuyện y phấn tảo(1), rộng rãi hơn, bắt đầu từ nay, những vị tỳ-khưu theo hạnh đầu-đà được phép sử dụng những thứ vải sau đây: Vải quăng bỏ nơi mồ mả, nghĩa địa, đống rác, bến nước, trên đường đi...

(1) - Là y được may từ những tấm vải lượm nơi này và nơi khác.

196 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Vải quăng vất lang thang nơi các quán hàng, chợ búa... Vải chùi mình dơ rồi bỏ Vải dơ mà người bịnh mặc rồi bỏ Vải bó tử thi Vải đã bị cháy một, hai chỗ Vải đã bị xé rách Vải bị mối ăn, chuột cắn Vải rách bìa, rách biên Vải đã làm cờ và phướng Vải rịt ghẻ rồi bỏ Vải mà sa-môn bỏ Vải dùng trong việc tôn vương rồi bỏ Vải bị gió thổi bay, chủ bỏ Vải bị sóng biển đánh tấp vào bờ... Vải chư thiên hoặc cận sự nam nữ đem bố thí nhưng không dâng cúng tận tay lại đem bỏ một nơi nào đó. Tất cả các loại vải ấy lượm về giặt sạch, may y là đúng pháp. Tuy nhiên, cần lưu ý là: Người thọ trì bậc thượng thì chỉ

được phép nhận vải bó tử thi, vải quăng bỏ nơi mồ mã, nghĩa địa. Người thọ trì bậc trung thì chỉ được phép lượm vải quăng bỏ trên đường, trên đống rác, nơi bến nước... Người thọ trì bậc hạ thì được phép nhặt vải bất kỳ đâu, cho chí thí chủ là loài người hay chư thiên quăng bên chân, trước mặt chứ không phải cúng dường tận tay, vẫn đúng pháp như thường. Này các thầy tỳ-khưu! Sở dĩ Như Lai chế định rộng rãi như vậy là vì Như Lai biết nhân duyên và quả, vì biết quá khứ, hiện tại vị lai. Tại sao vậy? Vì Như Lai biết rõ rằng, thời gian về lâu về dài, đầu-đà bậc thượng, bậc trung đệ tử của Như Lai sẽ không còn ai kham nhẫn được nữa thì ít ra cũng còn đầu-đà bậc hạ! Và như vậy thì khi thí chủ là loài người hoặc chư thiên tìm đến những khu rừng đầu-đà quăng Minh Đức Triều Tâm Ảnh 197

vải tốt trên đường, treo nơi gốc cây, trên tảng đá thì các vị tỳ-khưu thọ trì đầu-đà bậc hạ cũng thọ nhận được. Nhờ vậy, hạnh đầu-đà sẽ còn duy trì trên thế gian vài ba ngàn năm sau. Nghĩ hơi một chút, đưa mắt quan tâm nhìn đại chúng, đức Tôn Sư nói tiếp: - Người thọ trì đầu-đà có vô số lợi ích, đấy là: Biết hổ thẹn tội lỗi Biết ghê sợ tội lỗi Biết đủ Ít ham muốn Dễ nuôi Sống đời không tích lũy Biết xả ly Đi trên con đường vắng lặng Làm sáng hạnh của sa-môn Dễ thấy điều xấu ác Xa rời nơi nhiệt não Xa rời tâm nhiễm ô Dễ độc cư thiền tịnh Dễ phát triển thiền minh sát Được nhân loại, chư thiên ái kính Là phước điền của trời, người... Tuy nhiên, giáo pháp của Như Lai là giáo pháp toàn diện. Vì giáo pháp toàn diện nên công hạnh toàn diện, khế lý, khế cơ toàn diện mà tướng dụng cũng toàn diện; vậy nên ai thọ trì đầu-đà là tốt mà ai không thọ trì đầu-đà cũng không phải xấu. Ở rừng, ở nghĩa địa, ở núi sâu, ở nhà trống hay ở chỗ có mái che, cốc liêu, tịnh xá, tu viện tại thành phố, thị trấn, làng mạc cũng không sao. Hình thức bên ngoài là thọ trì đầu-đà mà tâm còn nhiễm ô, không chịu tu tập thì đâu có tốt gì? Mặc y lành tốt từ tay thí chủ cúng dường nhưng tinh cần tu tập để rời xa tham sân phiền não thì lại càng đáng 198 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

khen ngợi. Quan trọng là có tu tập và tu tập tốt hay không; có đi theo lộ trình giới, định, tuệ, bát chánh đạo, tứ niệm xứ hay không! Thọ nhận tứ sự từ hai hàng cận sự nam nữ cúng dường hay không thọ nhận đều được tùy nghi lựa chọn sở tri, sở hành cho mình. Giáo pháp của Như Lai cũng là lộ trình của trung đạo, hãy nhớ rõ như vậy.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 199

Ngỗng Trời Cất Cánh Thênh Thang

Biết trưởng lão Mahā Kassapa chuẩn bị để lên đường cùng với đức Phật, chư vị tỳ-khưu, cả đệ tử và không đệ tử đến thăm viếng ngài ngày này sang ngày khác. Cận sự nam nữ hai hàng của kinh thành Rājagaha cũng quyến luyến đến thăm ngài từng nhóm, từng nhóm đông không kể xiết. Thấy tình hình vậy, có một nhóm tỳ-khưu bàn tán với ý đồ không được tốt: - Cả đệ tử và không phải đệ tử ai ai cũng kính trọng và mến mộ tôn giả ấy. Xem ra cái tình ấy chẳng khác gì là thân bằng quyến thuộc! Một giọng nói cất cao lên: - Thân bằng, quyến thuộc à? Đâu chỉ có từng ấy? Cả kinh thành Rājagaha này, xem chừng đều là thân bằng, quyến thuộc của tôn giả hết đó! Một giọng chậm rãi: - Được tôn kính, mến mộ, trọng đãi, cúng dường tứ sự... hỷ mãn... có khi nào

trở thành thói quen không từ bỏ được chăng? Một vị tỳ-khưu có trí đặt lại vấn đề:

200 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Này, này! Ông bạn hãy giữ gìn cái miệng! Nên nhớ rằng, trưởng lão chỉ thọ nhận vật thực ở những giới thủ-đà-la và chiên-đà-la thôi đó! Im lặng khá lâu. - Nhưng nói gì thì nói, dù tôn giả ấy đi đâu cùng không bằng ở đây. Tôn giả ấy đã là đôi mắt, là người cha hiền, là nơi phát sanh tín tâm, là nơi của trăm ngàn kỉnh mộ hướng về, là ruộng phước vô tận cho chư thiên và loài người. Chỉ thua có đức Tôn Sư thôi. Tôn giả ấy còn đi đâu được? - Ý bạn nói là tôn giả do ái luyến những thứ ấy nên sẽ không đi đâu cả phải không? - Đi chứ! Trưởng lão đã chuẩn bị đâu đó rồi đấy! - Tôi không tin là ngài dứt đi được! Có tiếng cười, rồi nói lơ lửng: - Biết đâu, ngài chỉ lên "hang đá đừng dể duôi" rồi quay trở về? - Thôi! Hãy xem như thế nào, nào! Đừng kết luận quá vội vàng! Theo truyền thuyết, cái mà các vị ấy gọi là "hang đá đừng dể duôi" (Māpamāda) có cái sự tích của nó. Số là có một cái hang đá trên đỉnh Linh Thứu, nơi đức Phật thường lên đấy tĩnh cư; khi nào thấy chư tăng tìm lên thì đức Phật bảo: "Hãy quay trở lại! Các ông phải có phận sự trở về tịnh xá, tu tập và chăm lo mọi việc, đừng dể duôi!" Từ đấy, "hang đá đừng dể duôi" đã trở thành một thuật ngữ, có nghĩa là "Hãy quay trở lại! Đừng có dể duôi!" Chuyện ấy thì trong chư tăng ai cũng biết. Đến ngày lên đường, ai cũng thấy là tôn giả Mahā Kassapa cùng với năm trăm đệ tử đều đi theo đức Phật. Các vị tỳ-khưu bàn luận ở trên vẫn chưa tin. Có kẻ bán tín bán nghi. Một số cứ lầm thầm nói vào tai nhau nhau rằng: "Tôn giả ấy và chư đệ tử, đi thì có đi, nhưng họ sẽ đến „hang đá đừng dể duôi" rồi quay trở về tịnh xá mà thôi! Hãy xem!" Minh Đức Triều Tâm Ảnh 201

Đi được chừng mấy do-tuần, chợt đức Phật dừng chân lại, cất tiếng hỏi tôn giả Moggallāna: - Đi theo Như Lai đông như vậy thì ở tại Trúc Lâm, đại chúng còn khoảng bao nhiêu vị? - Thưa, chừng năm trăm vị! - Quản nhiệm, quản chúng, tri sự có những vị trưởng lão nào? - Thưa! Chư vị trưởng lão đều ta-bà vân du hết cùng với chúng đệ tử của họ. Hiện tại ở tịnh xá, chỉ có một vài trưởng lão như Anuruddha quen sống tĩnh cư; người biết việc, chỉ còn tỳ-khưu Mahāpaṇthaka tạm thời trông coi trong ngoài, sau trước. Nghe vậy, đức Phật cho gọi tôn giả Mahā Kassapa rồi nói: - Ông và môn đệ hãy quay trở lại đi. Kinh thành Rājagaha và Trúc Lâm tịnh xá cần cái bóng của ông, cả cái tên của ông nữa! Hiện tại, dù ở đấy có năm trăm vị tỳ-khưu, nhưng đối với quyến thuộc lâu ngày của ông thì nó chẳng khác gì chùa không, vườn trống! Ông là sự kỉnh mộ và tôn trọng của chư tỳ-khưu cũng như các hàng cận sự. Hãy trở lại đấy cho mọi người có chỗ nương tựa! Thế rồi, vâng lời đức Phật, tôn giả Mahā Kassapa cùng với môn đệ quay trở lại Trúc Lâm. Nhóm tỳ-khưu bàn tán ở trên, tưởng là mình đoán trúng, họ rất là khoái, thú vị nói: - Thấy chưa? Tôi nói như đinh đóng cột! Tôn giả ấy không đi được đâu! - Ái luyến quyến thuộc! Ái luyến đệ tử của mình, môn đồ, tứ vật dụng, cả sự trọng đãi, tôn kính của mọi người thì bị vướng bận, bị đeo dính, bị kết buộc như ruồi dính mủ mít thôi! Đức Phật biết tất cả mọi sự bàn tán, dị luận đối với Mahā Kassapa; nhưng đợi đến đêm ấy, dừng chân tại thị trấn 202 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Pāṭaligama, nơi một ngôi cổ miếu để đợi mai vượt sông Gaṅgā, đức Phật mới họp đại chúng để nói chuyện. Duyên khởi là đêm ấy có ánh trăng sơ huyền nhưng rất sáng nên

đức Phật cảm hứng ngữ đọc một câu kệ ngôn, có nghĩa là: "- Ánh trăng nghìn muôn thuở Soi sáng khắp núi sông Thị thành cùng làng mạc Chẳng dính mắc, bận lòng!" Rồi ngài tiếp: - Này chư tỳ-khưu! Ánh trăng kia là hạnh nguyện của tỳ- khưu Mahā Kassapa đấy! Kể từ một trăm ngàn đại kiếp về trước, kể từ thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, Mahā Kassapa đã tụ tập họ hàng quyến thuộc đông đảo, làm cho họ phát khởi tín tâm, hỷ tâm để cùng bắt tay nhau thiết lập một lễ đài và một tòa bảo tháp để cúng dường xá-lợi đức Thế Tôn ấy. Lễ đài trông như một tòa lâu đài hoa rực rỡ. Bảo tháp ấy chiếu sáng trông như một tháp bạc giữa đêm đen. Công đức và phước báu ấy đã đưa ông ta và họ hàng quyến thuộc lên hưởng lạc thú những cõi trời. Riêng ông ta có một cỗ xe trời được kéo bởi một ngàn con ngựa trời; một tòa lâu đài bảy tầng cao ngất cùng một ngàn mái nhọn bằng vàng ròng, một ngàn chóp nhọn bằng hồng ngọc... Và cứ thế, suốt sáu mươi ngàn kiếp, ông ta là những sát-đế-lỵ vĩ đại làm chúa bốn phương, làm Chuyển luân Thánh vương, đầy đủ bảy loại báu, quyến thuộc tùy tùng oai danh hiển hách. Và ngoài ra, không nói hết những sự xán lạn và vinh quang trong nhiều kiếp sống nữa. Và rồi, ông ta cũng đã từng buông bỏ, xả ly tất thảy chúng để sống đời ẩn sĩ ở non sâu, tuyết lãnh. Và ngay kiếp cuối cùng, ông ta sanh ra trong một gia tộc bà-la-môn danh giá, cự phú, đã cùng với người vợ chỉ trên danh nghĩa, phủi tay từ bỏ tám mươi Koṭi vàng không quyến niệm, không dính mắc để ra đi... Minh Đức Triều Tâm Ảnh 203

Này chư tỳ-khưu! Hiện tại, Mahā Kassapa là một đại samôn, là một đại A-la-hán, là một đại trưởng lão lậu tận. Cũng như ánh trăng rong ruổi chiếu sáng khắp mọi nơi mà không dính mắc ở đâu cả, thì Mahā Kassapa, hành trạng, công hạnh của ông ta cũng y như vậy. Ai mà bàn bạc, dị luận rằng là Mahā Kassapa dính mắc thân bằng, quyến thuộc, tứ sự; lưu luyến chỗ ở, am cốc, vườn rừng và ngay cả sự được kính trọng, được tôn trọng của cư dân kinh thành Rājagaha... thì có lỗi đấy; hãy tự sám hối ở trong tâm đi, bằng không những cái đầu ngu si, tật đố kia sẽ bị vỡ vụn ra từng mảnh đấy! Đức Phật im lặng một lát để cho lời thuyết giảng ấy thấm sâu vào tâm trí của mọi người rồi kết luận bằng một bài kệ ngôn như dấu ấn bất tử của lộ trình giải thoát: "- Sa-môn chánh niệm kiên trì Lìa mọi trú xứ ra đi nhẹ nhàng Ngỗng trời cất cánh thênh thang Ao hồ bỏ lại, mây ngàn thong dong!"(1)

(1) Pháp cú 91:"Uyyuñjanti satīmanto na nikete ramanti te; haṃsā"va pallalaṃ hitvā okaṃ okaṃ jahanti te".

(Năm 570 trợớc TL)

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 205

Cô Gái Con Ngợời Thợ Dệt

Vượt sông Gaṅgā, đức Phật bỏ bến sông tấp nập voi, ngựa, hàng hóa và khách lữ hành đủ mọi sắc tộc, mọi giai cấp, ngài chọn những con đường làng có bóng cây và ít bụi bặm để lên phía bắc. Kinh thành Vesāli vẫn trù phú như dạo nào. Đến Mahāvana, Sảnh Đường Nóc Nhọn, đức Phật ngụ ở đây mấy hôm, sách tấn chư tỳ-khưu, tăng cũng như ni rồi lại lên đường. Rồi suốt trên lộ trình đến Videha, Moriya, Malla sau đó lên Koliya

không có biến cố gì, nhân duyên gì để thuyết những thời pháp lớn. Chỉ có điều đặc biệt là gặp lại chư trưởng lão Vappa, Assaji, Mahānama, và đều đã yếu, đức Phật khuyên họ nên tìm chỗ trú chân tại Kỳ Viên, Trúc Lâm hay Kosambī để di dưỡng tuổi già vì ở đấy đời sống tứ sự ổn định. Đức Phật cũng gặp lại ba anh em trưởng lão Uruvelā Kassapa, Gayā Kassapa và Nadī Kassapa và hội chúng ở trong một khu rừng, ngài cũng khuyên là mấy anh em họ cũng nên dừng chân đầu-đà, tìm chỗ tĩnh cư. Rồi năm ấy, đức Phật an cư mùa mưa ở ngọn đồi đá trắng Cālikapabbata, thị trấn Cālikā, có con sông Kimikālā xanh mát thuộc quốc độ Koliya cùng với đại chúng tỳ-khưu. Ở đây, có khá nhiều liêu thất và hang động được thiết lập từ

năm an cư thứ mười ba của đức Phật; ngoài ra gần thị trấn lại còn có vườn xoài xinh đẹp mà thuở ấy tỳ-khưu Meghiya, thị giả của đức Phật yêu thích, lưu luyến. Khi đã sắp xếp đâu đó ổn định rồi, thỉnh thoảng đức Phật lại ôm bát ra đi một mình để hóa độ những người hữu duyên. Đặc biệt, có hôm, đức Phật sử dụng thần thông đi một khoảng đường khá xa, ngài trở lại thành phố Āḷavī, ngụ tại điện thờ Aggāḷava để gieo duyên thêm với cư dân ở đây. Và thật ra, đức Phật cố ý hóa độ cô gái con người thợ dệt. Hơn hai năm về trước, khi đức Phật giảng dạy "tùy niệm về sự chết" (Marana-anussati) thì cô ta rất tâm đắc và hoan hỷ. Và từ đấy đến nay cô ta rất tinh cần, ngày cũng như đêm không buông lơi đề mục bao giờ. Tin đức Phật đang ngụ tại điện thờ Aggāḷava, thành phố Āḷavī không mấy chốc lan truyền đi khắp nơi. Việc đức Phật hóa độ dạ-xoa Āḷavaka đem lại thanh bình cho quốc độ là một ân đức quá lớn nên từ đức vua, triều đình cho đến dân chúng ai ai cũng háo hức tìm đến đảnh lễ, nghe pháp, cúng dường. Khác với mọi lần, khi hai hàng cận sự đặt bát cho đức Phật, thọ thực xong nhưng hôm nay, ngài chưa giảng pháp thoại như cố chờ đợi một người; và đại chứng tỳ-khưu cũng yên lặng như vậy... Và quả đúng như thế, lúc ấy, cô gái thợ dệt trong lòng nôn nao, muốn làm mọi việc đâu đó cho xong để còn thì giờ đến điện thờ Aggāḷava, chiêm ngưỡng dung nhan của đức Phật và nghe pháp. Nhưng đột ngột sáng nay, khi đến xưởng dệt, cha cô quay lại căn dặn: "Tại khung cửi, cha còn một cái áo của khách hàng chưa dệt xong vì thiếu chỉ. Vậy ở nhà, con phải nhanh tay quấn chỉ vào suốt rồi mang gấp đến xưởng dệt cho cha!" Khi quấn chỉ vào suốt xong thì trời đã khá trưa, cô gái đặt suốt chỉ trong rá, kẹp vào nách rồi hối hả ra đi. Đường Minh Đức Triều Tâm Ảnh 207

đến xưởng dệt phải đi qua điện thờ Aggāḷava, không cưỡng được ước muốn vào thăm Phật nên cô gái lẹ làng bước nhanh, qua vườn, len đám đông, đưa mắt nhìn qua cửa sổ. Thấy được đức Phật với tướng hảo quang minh, xán lạn, cô gái rất hoan hỷ, nói nhỏ trong lòng: "Đây là cha của ta, đã dạy cho ta tùy niệm về sự chết. Từ đó đến nay, tâm ta như mặt nước hồ thu vắng lặng, đồng thời, ta không còn ganh ghét, hung dữ với một ai. Ta không còn sợ hãi bất cứ một cái gì, kể cả sự chết". Trong lúc ấy thì đức Phật đã thấy cô gái nên ngài nói: - Cái cô bé bên ngoài cửa sổ kia, nách kẹp cái rá suốt chỉ, hãy vào đây, Như Lai hỏi chuyện. Mọi người ngạc nhiên quay lại nhìn. Cô bé vâng lời, bước vào, để cái rá bên chân rồi đảnh lễ đức Phật rất phải phép. Đức Phật mỉm cười hỏi: - Nầy con! Con từ đâu đến? - Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử "không biết". - Vậy thì "đi", rồi con sẽ đi

đâu? - Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử "cũng không biết". - Con "không biết" thật sao? - Bạch đức Thế Tôn! Không, đệ tử "biết". - Phải con "biết" thật không? - Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử "không biết". Như vậy, đức Phật hỏi cô gái bốn câu. Dân chúng nghe cô trả lời với đức Phật như vậy thì lấy làm bất mãn. Họ nói với nhau: "Coi kìa! Với bậc Toàn Giác mà con gái người thợ dệt dám nói như kiểu đùa giỡn vậy! Thật là vô lễ, vô phép, vô tắc..." Đức Phật mỉm cười cho mọi người an lòng, đưa tay ra dấu hiệu bảo đám đông giữ im lặng; và rồi ngài hỏi tiếp cô gái:

208 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Nầy con! Khi Như Lai hỏi con "từ đâu đến", tại sao con trả lời là "không biết"? - Bạch đức Thế Tôn! Chính Tôn Sư biết rõ là đệ tử đi từ nhà người thợ dệt mà đến đây. Vậy khi Tôn Sư hỏi "từ đâu con đến đây" thì đệ tử nghĩ, ý Tôn Sư muốn hỏi: "Từ cảnh giới nào con tái sanh đến đây?" Và như vậy thì quả thật con trả lời "không biết" là đúng với sự thật! Đức Phật tán thán: - Lành thay! Lành thay! Con đã giải đáp đúng câu hỏi của Như Lai. Rồi đức Phật hỏi tiếp: - Khi Như Lai hỏi "từ đây con sẽ đi đâu", tại sao con trả lời là "không biết"? - Bạch đức Thế Tôn! Chính Tôn Sư biết rõ là đệ tử sẽ đem suốt chỉ đựng trong rá đến xưởng dệt cho cha của đệ tử, thế nhưng Tôn Sư còn hỏi đệ tử sẽ đi đâu, thì đệ tử biết chắc ý Tôn Sư chỉ muốn hỏi: "Khi ra đi từ kiếp nầy, con sẽ tái sanh đi đâu?" Và như vậy thì đệ tử trả lời "không biết" là đúng với sự thật! Đức Phật nói: - Con đã giải đáp đúng câu hỏi của Như Lai. Đức Thế Tôn khen cô gái lần thứ nhì, rồi ngài hỏi tiếp nữa: - Khi Như Lai hỏi "con không biết thật sao"? Thì tại sao con lại trả lời "dạ con biết!" - Bạch đức Thế Tôn! Điều nầy đệ tử "biết". Đệ tử biết chắc là "đệ tử phải chết". Vì lẽ ấy đệ tử trả lời như vậy. Đức Phật nói: - Con lại một lần nữa đã giải đáp đúng câu hỏi của Như Lai. Như vậy đức Thế Tôn ngợi khen cô gái lần thứ ba. Rồi ngài lại hỏi tiếp:

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 209

- Khi Như Lai hỏi con "biết", phải vậy không? Tại sao con nói con "không biết". - Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử chỉ biết một điều là thế nào đệ tử cũng chết, nhưng không biết cái chết sẽ đến lúc nào. Chết ban ngày hay ban đêm? Chết vào buổi sáng hay vào buổi chiều? Điều ấy đệ tử không biết, vì lẽ ấy đệ tử trả lời "không biết" là đúng với sự thật. Đức Phật nói: - Con đã giải đáp đúng những câu hỏi của Như Lai! Rồi đức Phật nói tiếp: -Trên thế gian này, người ngu si, người không có trí tuệ, dù có mắt cũng như bị mù; còn người sáng suốt, người có trí tuệ, dẫu bị mù mắt nhưng cũng thấy rõ được mọi sự, mọi chuyện; họ thoát khỏi lưới bủa của thợ săn để đến nơi an toàn: "- Thế gian loáng quáng mù manh Hiếm thay, ít kẻ mắt lành sáng trong Lưới trùm, chim khó thoát lồng Bay lên nhàn cảnh quả không mấy người!"(1) Câu kệ ngôn chấm dứt, cô gái con người thợ dệt chứng đắc đạo quả Nhập Lưu. Còn mọi người xung quanh thì thở phào, nhẹ nhõm; họ không dám trách mắng cô bé thợ dệt kia nữa, mà lại tỏ lòng kính trọng, vì rõ ràng là chiều sâu của giáo pháp, cô ta thông hiểu hơn mọi người. Sau đấy, cô gái đảnh lễ đức Phật với tâm an lạc không kể xiết rồi bưng cái rá đựng suốt chỉ đến xưởng dệt cho cha. Lúc ấy cha cô đang ngồi trên khung dệt mà ngủ. Cô không để ý rằng cha cô đang ngủ nên vói tay đưa rổ cho ông. Không may, cái rá đụng vào đầu khung cửi và rơi

(1) - Pháp cú 174: “ Haṃsādiccapathe yanti, ākāse yanti iddhiyā; nīyanti dhīrā lokamhā jetvā māraṃ savāhiniṃ”.

xuống, gây một tiếng động lớn. Cha cô giựt mình thức dậy, tình cờ chụp cây cần ở đầu khung kéo mạnh xuống. Cái đầu khung quây vòng trúng ngay vào ngực cô gái. Tức thì cô chết, và tái sanh vào cảnh trời Đâu Suất... Tại điện thờ Aggāḷava, sau buổi pháp thoại, đức Phật vẫn còn ngồi yên lặng chớ chưa chịu rời chân. Đại chúng không hiểu. Hai hàng cận sự không hiểu. Nhưng khi cô gái bị tai nạn, chấm dứt hơi thở thì đức Phật mới mở mắt ra, nói rằng: - Cô gái thợ dệt sau mấy câu hỏi, cô ta đã đắc pháp nhãn, là “con gái nhỏ” của Như Lai đó! Vừa rồi, cô ta bị tai nạn đột ngột, cái đầu khung cửi rơi xuống, đập mạnh vào ngực, cô ta đã chết và tức khắc hóa sanh vào cung trời Đẩu Suất. Đưa mắt một vòng nhìn đại chúng, đức Phật nói tiếp: - Từ thị trấn Cālikā, Như Lai đến đây ngoài nhân duyên với mọi người, còn việc khác rất quan trọng là cứu độ cô gái con người thợ dệt. Vì Như Lai biết trước là cô ta sẽ bị chết như vậy, nếu không đưa cô ta an trú vào thánh pháp thì nghiệp bất đắc kỳ tử kia có thể đưa cô ta xuống những cảnh giới đau khổ. Còn nữa, cha cô con gái sẽ rất đau khổ, có thể đi đến điên loạn. Nhưng không sao, Như Lai sẽ hóa độ cho ông ta. Và quả đúng như vậy. Cha cô con gái, sau đó được đức Phật giảng giải về Tứ Diệu Đế, ông thấy rõ sự thật nên xin xuất gia tỳ-khưu rồi theo chân ngài về núi đá vôi Cālikapabbata để tiếp tục an cư mùa mưa. Nghe nói rằng, về sau ông ta tu tập tốt nên đắc quả A-lahán.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.